

- Bản án số: 64/HS-ST, ngày 11-8-2000 của Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt Phạm Tiến K 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*” thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-3-2000, buộc Phạm Tiến K nộp lại số tiền 73.000 đồng để sung quỹ nhà nước và phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm - Bị cáo chấp hành xong ngày 20-8-2009;

- Bản án số: 11/HS-ST, ngày 30-01-2007 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt Phạm Tiến K 02 (hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13-10-2006, buộc Phạm Tiến K phải trả lại cho anh Vũ Anh T ở tổ 39, phường Q, thành phố T số tiền 300.000 đồng và phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm - Bị cáo đã thi hành xong phần án phí ngày 20-7-2007, về phần bồi thường do anh T không yêu cầu nên Cơ quan thi hành án không ra quyết định thi hành;

- Quyết định số: 1393/QĐ-UBND, ngày 09-7-2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, quyết định đưa Phạm Tiến K vào trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thành phố T, thời hạn 12 (mười hai) tháng về lý do nghiện ma túy (đã được xóa);

- Bản án số: 45/2014/HS-ST, ngày 26-02-2014 của Tòa án nhân dân thành phố T, xử phạt Phạm Tiến K 03 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15-11-2013, Phạm Tiến K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo chấp hành xong bản án tháng 11-2016;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11-4-2020, đến ngày 20-4-2020 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (có mặt).

2. Bị cáo: Nguyễn Thị H, sinh năm 1977, tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Đồng L, xã Minh T, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H1 và bà Phạm Thị Đ; có chồng là Đỗ Tiến S và 03 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án: Có 01 tiền án; tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 525, ngày 25-7-2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phạt Nguyễn Thị H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-4-2012, buộc Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền 300.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo nộp án phí ngày 26-4-2013, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 07-12-2018, bị cáo chưa chấp hành xong khoản tiền 300.000.000 đồng; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số: 55/2021/HS-ST, ngày 05-02-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo Nguyễn Thị H đã kháng cáo bản án ngày 11-02-2021; bị bắt tạm giữ từ ngày 11-4-2020, đến ngày 20-4-2020 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (có mặt).

Bị cáo bị kháng nghị: Trần Thị H2, sinh năm 1991, tại Nam Định; nơi cư trú: Xóm 6, xã Nghĩa P, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chồng ông Trần Đức H3 và con bà Trần Thị H4; có chồng là Vũ Văn H5; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2020. (đã rút kháng cáo và đã đình chỉ xét xử với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Tiến K*: Luật sư Ngô Xuân P1; Văn phòng luật sư P1 – H1; Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H*: Luật sư Nguyễn Ngọc T1, Công ty luật TNHH T - Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 khai nhận: Do quen biết nhau từ trước, chiều ngày 08-4-2020, bị cáo Phạm Tiến K (sau đây gọi tắt là K) và bị cáo Nguyễn Thị H (sau đây gọi tắt là H) ngồi nói chuyện tại phòng 413 của khách sạn An T; Địa chỉ: Số 288, đường Trần Thái T, phường T, thành phố T (sau đây viết tắt là khách sạn An T), khi ngồi nói chuyện với nhau K nói với H “*Đợt này anh xấp xếp tiền rồi anh em mình đi lấy hàng, do dịch không tiện đi lại nên anh lấy nhiều, ở đây đắt, đi lấy tận gốc cho rẻ. Anh mua điện thoại và sim mới cho em rồi, anh cũng liên lạc với thằng kia rồi. Em cầm điện thoại này chỉ để liên lạc với nó. Em nói em là vợ T2, T2 đã bị bắt và nhờ nó xem có giúp được gì không*”, nghe K nói vậy H hiểu ý K nói như vậy là K chuẩn bị đi mua ma túy và muốn H liên hệ với người bán ma túy vì H là bạn của T2, vì trước đó T2 là người có uy tín với người bán ma túy mà K đã nói với H. Sau đó H nói lại với K “*Có thể nào thì cho em chung với*”, K trả lời “*Chung thì không biết thế nào nhưng em cứ chuẩn bị đôi trăm (hai trăm triệu đồng), anh lấy cho em 01 cái nước (ý nói là 01 kg ma túy đá), anh bán xong của anh sẽ bán hộ em lấy tiền lo cho T2*”; nghe K nói vậy H đồng ý và nói với K “*Em về xấp xếp mua đồ cho T2 rồi em sang*”. K đưa 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số sim thuê bao là 096.305.6625 cho H, H cầm chiếc điện thoại này về phòng của mình rồi gọi vào số thuê bao 033.777.3611 đã được lưu trong nhật ký của điện thoại mà K đưa cho, số điện thoại này ở danh mục cuộc gọi đi lưu trong máy và H nói với người mà điện thoại có số thuê bao 033.777.3611 là “*Tôi là vợ T2, T2 nhà tôi bị bắt rồi, anh xem có giúp được gì cho chúng tôi không để tôi lo cho T2, được thì mấy hôm nữa tôi và anh K lên*”; người điện thoại có số thuê bao 033.777.3611 trả lời “*Được rồi*”. Đến sáng ngày 09-4-2020 H đi sang tỉnh Nam Định thăm T2, đến chiều cùng ngày K gọi điện cho H bảo “*Anh xem ngày đẹp rồi, em gọi thêm người nữa đi cùng, em đã lo được tiền chưa*”, H trả lời “*Em mới lo được hơn trăm*”, nghe thấy vậy K nói “*Em cứ sang đi*”, H đồng ý, sau đó gọi điện cho bị cáo Trần Thị H2 (sau đây gọi tắt là H2) rủ đi chơi, H2 đồng ý. Chiều ngày 09-4-2020 H2 đi xe máy đến

gặp H và hai người gửi xe máy ở nhà người quen và thuê taxi đi sang thành phố T, tỉnh Thái Bình, khi xe taxi đi đến cổng làng Vĩ D, thành phố N, thì H bảo lái xe dừng lại để H vào nhà chị L1 vay thêm tiền cho đủ 200.000.000 đồng, nhưng chị L1 chưa có tiền nên hẹn với H khi nào có tiền sẽ chuyển khoản cho, H đồng ý sau đó quay trở lại xe và tiếp tục đi sang thành phố T, khi đi đến thành phố T, H và H2 vào khách sạn An T, H yêu cầu lễ tân của khách sạn bố trí phòng 410 trên tầng 4 của khách sạn, nhận phòng xong, H và H2 sang phòng 413 của khách sạn An T (đây là phòng mà K và bạn gái là chị Trần Thị Diễm Q đang thuê để ở) nhưng K không có trong phòng chỉ có chị Trần Thị Diễm Q là bạn gái của K ở trong phòng. Chị Q, H và H2 ngồi chơi một lúc rồi về phòng 410 của mình nằm nghỉ. Khoảng 15 phút sau, K gọi điện bảo chị Q xuống để cùng đi thuê xe ô tô, bị cáo K điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Innova; biển kiểm soát 30A-116.33, xe này K thuê của vợ chồng chị Tô Thị T3, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ 9, phường Hoàng D, thành phố T, K chở chị Q đi đến nhà anh Phạm Công H6, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn Tổng Thỏ B, xã Đông M, thành phố T để đón anh H6 cùng đi thuê xe ô tô, sau đó K, chị Q và anh H6 đi đến xã Thái H, huyện Thái T, tỉnh Thái Bình, K xuống giao dịch để thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Vios; biển kiểm soát 17A-054.77 của chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1989, nơi cư trú: Khu 1, thị trấn Diêm Đ, huyện Thái T, tỉnh Thái Bình, K trả trước tiền thuê xe là 1.500.000 đồng, sau đó K bảo anh H6 đi chiếc xe ô tô Innova về nhà ngủ sớm sáng mai thì đi sang đón khách ở khách sạn An T để chở đi Sơn La, vì là người có bằng lái xe ô tô, chuyên đi chở khách, do đang có dịch bệnh covid không có việc làm nên anh H6 đồng ý, K điều khiển xe ô tô Vios chở chị Q đi về khách sạn An T, khi đi đến khu vực chợ Bo phường Bồ X, thành phố T, K chợt nhớ ra đã để quên 01 túi ni lông màu trắng bên trong đựng túi nilon màu đen, bên trong túi ni lông màu đen đựng tiền, túi tiền này để trong hộc đồ của xe ô tô Innova, K lại điều khiển xe ô tô Vios quay lại đi về xã Đông M và gọi điện bảo anh H6 cầm chìa khóa xe ô tô Innova ra để mở cửa xe, K đi đến lấy ra 01 ni lông đựng tiền trong xe ô tô Innovamang ra xe ô tô Vios đưa cho chị Q cầm hộ, rồi sau đó tiếp tục điều khiển xe Vios quay lại khách sạn An T. Khi về đến Khách sạn An T, chị Q cầm túi tiền đi sau, K đi trước khi lên đến tầng 4 của khách sạn An T, K dùng tay gõ cửa phòng 410 nơi H và H2 thuê ở, rồi cùng với chị Q đi vào trong phòng 413, chị Q để túi tiền mà K đưa cho lên mặt bàn trong phòng 413 rồi đi sắp cơm. Trong phòng 410 H nghe thấy có tiếng gõ cửa phòng mình, nghĩ là K gọi nên H một mình đi sang phòng 413 để gặp K, khi gặp K, H hỏi “*Mai đi thế nào anh*”, K trả lời “*Anh xem giờ rồi, hơn 5 giờ xuất phát*”, H hỏi “*Lấy hàng anh xem thế nào*”, K trả lời “*Cô cứ ngồi xuống anh bàn đã, anh điện thoại cho nó rồi, anh lấy 02 châu (tức là 02 bánh Heroin) và 02 nước (tức là 02 kg ma túy đá)*”, H thấy K nói với mình như vậy, thì H hỏi lại K “*Sao anh lấy nhiều thế*”, K trả lời “*Đây là việc của anh, cô không cần quan tâm, cứ 5 giờ mai đi*”. Sau đó K cầm túi tiền để trên mặt bàn đưa cho H và bảo với H “*Cô mang về xếp giúp anh loại nào ra loại đấy cho anh em rě kiểm*” cầm túi tiền về phòng của mình H gọi điện cho chị L1 hỏi vay tiền, chị L1 bảo với H cho số tài khoản để chị L chuyển tiền cho, H gọi điện cho K hỏi số tài khoản để chuyển tiền vào, K trả lời “*Anh không có, em gọi điện cho H7*”, H gọi điện cho anh Nguyễn Mạnh H7,

sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 9, phường Bồ X, thành phố T (anh H7 là người trước đó K đã giới thiệu cho H để làm quen) H hỏi anh H7 cho số tài khoản để nhờ chuyển tiền vào, anh H7 đã đọc cho H số tài khoản của bạn gái là chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Hoàng N, xã Sơn H, huyện Thái T, tỉnh Thái Bình là bạn gái của anh H7, sau khi nhận được số tài khoản, H đã nhắn tin số tài khoản trên cho chị L2, sau đó H và H2 ngồi nói chuyện, H2 đưa tin nhắn trong điện thoại của mình có nội dung bị đe dọa đòi nợ cho H xem, xem xong H nói với H2 *“Mày không phải trả, còn gì để mất đâu, bây giờ vào việc chính, mục đích chị rủ em sang đây để sáng mai đi cùng với chị, xách đồ (ma túy) cho chị rồi về chị giải quyết nợ cho và cho thêm một vài triệu để tiêu”* H2 hiểu ý bị cáo H nói vậy là rủ H2 đi xách ma túy cho H nên H2 đồng ý, H nói với H2 *“Em đi chỉ việc ngồi trên xe, không phải làm bất cứ việc gì, có người quen đi cùng”*, nghe thấy H nói vậy, H2 hỏi lại H *“Người đó là ai”* H trả lời *“Người quen của chị, cứ yên tâm”* rồi H lấy tiền từ túi ni lông của K đưa cho để cùng H2 xấp xếp lại, số tiền khoảng 01 tỷ đồng, sau khi xấp xếp lại số tiền H cầm tiền bỏ vào túi ni lông màu đen sau đó cầm bỏ vào túi xách giả da màu trắng của H, rồi H cùng H2 đi ngủ. Khoảng 05 giờ sáng, ngày 11-4-2020, H dậy và gọi K và H2 cùng dậy, chuẩn bị xong H đưa túi xách giả da màu trắng bên trong đựng số tiền K đưa vào tới ngày 10-4-2020 để H2 xách, còn H xách túi màu nâu trong có ví, giấy tờ và số tiền 110 triệu đồng, rồi H cùng H2 đi xuống sảnh khách sạn, cùng lúc này anh H6 cũng đến khách sạn An T và K cũng đi xuống sân của khách sạn An T, sau đó K, H, H2 và anh H6 cùng lên xe ô tô Vios; biển kiểm soát 17A-054.77, anh H6 điều khiển xe ô tô đi theo hướng từ thành phố T đi đến huyện Mai C, tỉnh Sơn La. Trên đường đi H gọi điện cho cháu mình là anh Đỗ Văn T5, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đồng L, xã Minh T, huyện P, Thành phố Hà Nội đi xe ô tô để đón H ở Mai C sau đó chở H đi đòi nợ, sau đó H lại gọi điện cho người bán ma túy theo yêu cầu của K, khi gọi điện cho người bán ma túy, H nói với người bán ma túy *“Mày chuẩn bị đi, mấy anh em đang trên đường đi rồi”*, người bán ma túy trả lời *“Được rồi, khi nào đến Mai C thì gọi cho em”*, khi xe đi đến đoạn đường có biển báo địa phận huyện Mai C, K lại giục H gọi điện cho người bán ma túy, H gọi điện nhưng do vùng này sóng yếu nên không nghe được, K lấy điện thoại từ tay H gọi cho người bán ma túy và bảo anh H6 *“Dừng xe”*, anh H6 trả lời *“Chưa có chỗ quay đầu”* và anh H6 tiếp tục điều khiển xe đi tiếp một đoạn rồi dừng ở khu vực có bãi đất rộng, K, H, H2 và anh H6 xuống xe đi vệ sinh và ra mua quả mận, K bảo H gọi điện cho người bán ma túy, H gọi điện và hỏi người bán ma túy *“Mày đang ở đâu”*, người bán ma túy trả lời *“Em đang ở sườn núi gần cây xăng”*, H nói lại nội dung này với K, nghe thấy H nói vậy K nói to để H2 và anh H6 đứng ở xa nghe thấy *“Lên xe đi thôi”*, sau đó tất cả lên xe ô tô, anh H6 điều khiển xe quay đầu đi khoảng 100 mét, thì H nhìn thấy có một người đàn ông mặc trang phục dân tộc đứng ở sườn núi cạnh đường bên phải, K nói *“Dừng xe lại”* và K xuống xe gặp và nói chuyện với người đàn ông mặc trang phục dân tộc, sau đó người đàn ông mặc trang phục dân tộc đi đến khu vực cạnh cửa xe nơi H2 ngồi, H2 với tay lấy bọc tiền đựng trong túi xách giả da màu trắng nhưng không được, H nhìn thấy thế nói H2 dịch ra và dùng tay lấy ra bọc tiền đưa ra ngoài cho

người đàn ông mặc trang phục dân tộc, người đàn ông này nhận túi tiền rồi đi lên sườn núi, lát sau quay lại xách theo 01 túi nilông màu đen đi xuống để ở vệ đường, K cầm túi nilông của người đàn ông mặc trang phục dân tộc để lại rồi đi vào trong xe, quay người lại đưa túi đó cho H, H cầm bỏ vào túi xách giả da màu trắng rồi để các túi bánh kẹo, hoa quả lên trên. Sau đó, anh H6 điều khiển xe tiếp tục chở mọi người đi về Thái Bình. Đi khoảng 05 km, H nhận được thông tin anh T5 đang đến đón mình đi đòi nợ, H bảo anh H6 dừng xe ô tô cho H và K xuống xe để sang xe của anh T5 và hẹn anh H6 gặp lại ở khu vực ngã ba M. Sau khi H và K xuống xe, thì H2 chủ động cởi áo khoác đang mặc của mình để phủ lên chiếc túi đựng túi nilon màu đen do người mặc trang phục dân tộc đưa cho K rồi bước lên ghế trước bên phải của xe ô tô ngồi. Do không gặp được người nợ tiền mình nên H và K tiếp tục lên xe ô tô của anh T5 đi về khu vực ngã ba M đợi, khi anh H6 điều khiển xe ô tô đi tới ngã ba M thì K và H lên xe ô tô do anh H6 điều khiển để đi về tỉnh Thái Bình, lúc này H2 bước xuống ghế sau bên phải ngồi, bị cáo K ngồi vào ghế trước bên phải, H ngồi vào ghế sau bên trái, anh H6 tiếp tục điều khiển xe ô tô đi tiếp về tỉnh Thái Bình. Khi xe ô tô nhãn hiệu Vios biển kiểm soát 17A-054.77 do anh H6 điều khiển chở theo K, H và H2 đi đến thôn Tân Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình thì bị Cơ quan công an tỉnh Thái Bình phát hiện yêu cầu dừng xe để kiểm tra, tiến hành kiểm tra xe ô tô Vios biển kiểm soát 17A-054.77, Cơ quan công an tỉnh Thái Bình phát hiện thu giữ được những đồ vật tài sản sau: Thu tại sàn xe khu vực để chân trước ghế sau bên trái 01 túi xách hoa văn màu trắng, bên trong có 02 túi nilon in hình hoa văn, tiếp đến 02 túi nilon trong suốt đều chứa chất dạng tinh thể trong suốt niêm phong (ký hiệu M1); 01 túi nilông màu đen bên trong có 02 bánh hình hộp chữ nhật kích thước khoảng 10 x 16 x 2,5 cm, đều có đặc điểm ngoài cùng là lớp nilông trong suốt, tiếp đến lớp nilông màu xanh, tiếp đến nhiều lớp giấy màu vàng và lớp nilon trong suốt, trong cùng là chất bột màu trắng dạng cục niêm phong (ký hiệu M2); 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đỏ đen đã cũ; 01 ảnh chúa Giê - su và 80.000.000 đồng tiền Việt Nam. Cũng tại vị trí trên, thu 01 túi xách màu nâu, bên trong có 01 túi nilông hoa văn trong túi này có 01 túi nilông trong suốt chứa chất dạng tinh thể trong suốt niêm phong (ký hiệu M3), 01 ví da màu đen, 01 thẻ căn cước công dân, mang tên Nguyễn Thị H, 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ, 01 điện thoại Iphone màu vàng đen đã cũ, 01 điện thoại Nokia màu vàng đã cũ và số tiền 30.000.000 đồng. Kiểm tra người H2 và K, thu giữ giấy tờ tùy thân, điện thoại di động của K và H2, thu giữ của K số tiền 23.600.000 đồng, thu giữ của H2 số tiền 1.070.000 đồng. Tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và lập biên bản quản lý, niêm phong vật chứng thu giữ được, nhưng K và H không ký biên bản. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của H và H2, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Bình không thu giữ đồ vật, tài sản gì. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của K, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Bình thu giữ, 01 cân điện tử màu đen có dòng chữ DIGITAL SCALE, 01 biển số xe máy 99B1 - 122.22, 01 nỏ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh và 01 dao nhọn có bao gỗ.

Tại bản kết luận giám định số: 126/KLGD-PC09, ngày 13-4-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình đối với vật chứng thu giữ được kê trên đã kết luận như sau: Mẫu M1 là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 1966,5670 gam; Mẫu M2 là ma túy loại Heroin, khối lượng 696,1546 gam; Mẫu M3 là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 973,9387 gam.

Bị cáo Phạm Tiến K khai: Do có sự quen biết đối với bị cáo Nguyễn Thị H từ trước, K hay gặp H tại khách sạn An T, H ở phòng 410, còn K ở phòng 413 tầng 4 của khách sạn An T, vì chị Trần Thị Diễm Q, sinh ngày 24-6-2004; nơi cư trú: Tổ 11, phường Tiền P, thành phố T là bạn gái của K không có chứng minh nhân dân, nên K lấy chứng minh nhân dân của mình để thuê phòng 413 cho chị Q và có ở chơi cùng chị Q tại phòng 413, ngày 10-4-2020, khi K gặp H thì H có nhờ K chở đi tỉnh Sơn La, nhưng K không có Giấy phép lái xe ô tô, và xe ô tô Innova của K thuê đã cũ, xuống cấp nên không thể đi đường dài được, K nói với H để K đi thuê xe ô tô hộ, sau đó K rủ chị Q cùng đi thuê xe ô tô, K chở chị Q bằng xe ô tô Innova xuống xã Đông M, thành phố T, K rủ thêm anh Phạm Công H6, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn Tổng Thỏ B, xã Đông M, thành phố T cùng đi xuống huyện Thái T, tỉnh Thái Bình để thuê xe, anh H6 đồng ý, K đón anh H6, sau đó K, cùng anh H6 và chị Q đi xuống xã Thái H, huyện Thái T để thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Vios, biển kiểm soát 17A-054.77, K trả tiền thuê xe ô tô, rồi K điều khiển xe ô tô Vios, anh H6 điều khiển xe Innova, K bảo với anh H6 “*Đi xe về nhà nhả sớm sáng mai đến khách sạn An Thái chở khách đi Sơn La*” khi K điều khiển xe Vios đi đến ngã tư Chùa B, đối diện với công chợ B, phường Bò X, thành phố T thì chợt nhớ ra để quên túi tiền của H gửi từ trước trên xe Innova, K điện thoại cho anh H6 rồi quay xe lại đi đến chỗ anh H6 để xe Innova, K xuống xe lấy từ trong hộp để đồ trước ghế phụ cạnh ghế lái của xe ô tô Innova ra 01 túi ni lông bên trong đựng tiền và mang ra xe Vios đưa cho chị Q giữ hộ, rồi điều khiển xe ô tô Vios chở chị Q cùng túi tiền về khách sạn An T, khi đi đến khách sạn An T, K đi trước, chị Q xách túi tiền của K đưa cho đi sau, khi đi lên tầng 04, K đi qua phòng 410 K dùng tay gõ vào cửa phòng 410, sau đó cùng Q đi vào phòng 413, một lúc sau H sang phòng 413 K đưa trả lại cho H túi ni lông của H gửi K hôm trước, khoảng 05 giờ sáng, ngày 11-4-2020 K dậy đi xuống sân khách sạn An Thái thì đã thấy H và H2 xách theo túi xách đứng ở sân của khách sạn An T và anh H6, K lấy chìa khóa, chứng minh thư đưa cho anh H6 và đưa cho anh H6 2.000.000 đồng để đi đường và nói với anh H6 “*Chở khách đi an toàn nhé*” sau đó K định đi ra xe Innova để đi ra Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình thì nghe thấy H ngồi trong xe ô tô Vios, biển kiểm soát 17A-054.77, mở cửa xe ô tô nói với K “*Anh không có việc gì thì đi cùng em cho vui*”, nên K đồng ý đi cùng, anh H6 điều khiển xe ô tô đi theo hướng thành phố T đi ra cầu Tân Đ xe đi được khoảng 06 đến 07 km vì thức đêm mệt, nên K ngồi ngủ, khi xe dừng thì K thấy xung quanh toàn là đồi núi, sau đó H bảo lên xe và anh H6 điều khiển xe quay đầu xe lại đi được khoảng 100 mét thì H bảo dừng lại, K xuống xe đứng ở phía sau bên phải theo chiều xe đi, K nhìn thấy có một người thanh niên dân tộc đi đến chỗ cửa kính phía sau xe ô tô Vios biển kiểm soát 17A-054.77, K nhìn thấy ai đó ngồi trong xe đưa qua ô cửa kính xe 01 túi ni

lông, K không nhớ túi ni lông màu gì, bên trong túi ni lông đựng cái gì K không biết, người thanh niên dân tộc này cầm túi ni lông này đi lên sườn núi, một lúc sau người thanh niên dân tộc này cầm xuống một túi ni lông màu đen bên trong đựng cái gì K không biết, người thanh niên dân tộc đứng trên sườn núi cách mặt đường khoảng 01 mét gọi người ra lấy, do K đứng cạnh đó nên có bảo người thanh niên dân tộc thả túi ni lông này xuống mặt đường để K cầm hộ cho, nghe thấy K nói vậy, người thanh niên dân tộc thả túi ni lông đó xuống đường cạnh xe ô tô, K nhặt túi ni lông này đi lại đưa qua cửa kính của xe ô tô cho H cầm, rồi đi lên phía trước của xe mở cửa xe ngồi vào ghế trong xe tiếp tục đi, đi được khoảng 05 km thì H bảo K xuống xe sang xe khác đi đâu K không biết vì K ngồi trên xe ngủ, sau đó xe đi đến ngã ba M thì H bảo K xuống xe chờ, khi xe của anh H6 đi đến ngã ba Mía thì K và H tiếp tục lên xe đi về Thái Bình, khi xe ô tô Vios biển kiểm soát 17A-054.77 đi qua cầu Tân Đ, đến địa phận tỉnh Thái Bình thì bị Cơ quan công an yêu cầu dừng xe để kiểm tra, anh H6 điều khiển xe đi chậm vào mép đường bên phải rồi dừng xe, K xuống xe cùng với anh H6, H và H2, kiểm tra xe ô tô Cơ quan công an tỉnh Thái Bình thu: Tại sàn xe khu vực để chân trước ghế sau bên trái 01 túi xách hoa văn màu trắng, bên trong có 02 túi ni lông in hình hoa văn, tiếp đến 02 túi nilon trong suốt chứa chất dạng tinh thể trong suốt; 01 túi nilon màu đen bên trong có 02 bánh hình hộp chữ nhật ngoài cùng là lớp nilon trong suốt, tiếp đến lớp nilon màu xanh, tiếp đến nhiều lớp giấy màu vàng và lớp nilon trong suốt, trong cùng là chất bột màu trắng dạng cục, cũng tại vị trí này thu 01 túi xách màu nâu, bên trong có 01 túi ni lông hoa văn trong túi này có 01 túi ni lông trong suốt chứa chất dạng tinh thể trong suốt, K không biết số ma túy này là của ai, rồi Cơ quan công an đưa K, H và H2 về trụ sở của Phòng cảnh sát về ma túy Công an tỉnh Thái Bình để giải quyết, K không ký biên bản bắt người phạm tội quả tang vì không biết số ma túy thu được là của ai.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Công H6 khai: Khoảng 17 giờ ngày 10-4-2020 anh H6 xuống nhà bị cáo K chơi, bị cáo K có nhờ anh H6 đi lấy xe ô tô ở xã Thái H, huyện Thái T, anh H6 đồng ý. Đến khoảng 21 giờ ngày 10-4-2020 anh H6 thấy bị cáo K cùng bạn gái là chị Trần Thị Diễm Q, sinh ngày 24-6-2004; nơi cư trú: Tổ 11, phường Tiền P, thành phố T cùng đi xe ô tô Innova 07 chỗ đến nhà để đón anh H6, sau đó anh H6 cùng với bị cáo K và chị Q đi xuống xã Thái H, huyện Thái T, trên đường đi K rủ anh H6 mai đi Sơn La cùng hai khách của K vì K không có bằng lái. K hẹn anh H6 05 giờ sáng, ngày 11-4-2020 đón K ở khách sạn An T, anh H6 đồng ý, sau khi thuê được xe ô tô Vios loại 04 chỗ ngồi, biển kiểm soát 17A-054.77 thì K điều khiển xe ô tô này về còn anh H6 điều khiển xe ô tô Innova về, khi anh H6 điều khiển xe Innova về nhà được khoảng 10 phút thì K điện thoại bảo anh H6 ra xe Innova đưa chìa khóa xe Innova để K lấy đồ để quên trên xe, một lát sau K đến và lấy chìa khóa xe Innova của anh H6 mở cửa xe ô tô Innova lấy ra từ trong xe một túi nilon màu trắng, bên trong là túi ni lông màu đen anh H6 không biết trong túi ni lông có gì, sau đó bị cáo K khóa cửa xe ô tô Innova lại rồi đưa lại chìa khóa cho anh H6, sau đó anh H6 thấy K cùng với chị Q đi về thành

phô T, còn anh H6 đi về nhà ngủ, 05 giờ sáng ngày 11-4-2020 anh H6 điều khiển xe Innova đi đến khách sạn An T, anh H6 để xe trong bãi để xe của khách sạn rồi đi vào trong sảnh của khách sạn thì gặp H và H2 vừa đi từ thang máy của khách sạn xuống, anh H6 hỏi H *“K đâu”*, thì H nói *“Anh K đang xuống”* vừa lúc đó thì K xuống đến nơi, cả bốn người gồm K, H và H2 cùng anh H6 đi ra ngoài bãi để xe của khách sạn An T, bị cáo K đưa chìa khóa xe ô tô Vios cho anh H6 nói *“Anh đưa hai cô cùng đi Sơn La”* anh H6 đưa lại chìa khóa xe ô tô Innova cho bị cáo K, cả 04 người gồm K, H và H6 lên xe, anh H6 ngồi ghế lái xe, H ngồi ghế sau ghế lái của anh H6, H2 ngồi ghế sau cạnh H, K tiến đến cạnh ghế lái của anh H6 đưa cho anh H6 2.000.000 đồng và nói với anh H6 cầm đề đi đường, sau đó K lên xe ngồi ở ghế phụ cạnh ghế lái của anh H6, anh H6 điều khiển xe đi một mạch không nghỉ, khi xe đi đến chỗ cách huyện Mai C, tỉnh Sơn La khoảng 20 km anh H6 thấy H lấy điện thoại gọi và nói *“Mày nói tao chẳng nghe thấy gì cả”* rồi tắt máy, anh H6 tiếp tục điều khiển xe đi khoảng 20 phút khi đi đến khu vực bãi đất trống cạnh quốc lộ 6 thì H bảo anh H6 dừng xe để đi vệ sinh, anh H6 điều khiển xe và dừng lại tại bãi đất trống ở ven đường cách chỗ người bán mận khoảng 10 mét, anh H6 và H2 xuống xe để mua mận, K xuống xe đi vệ sinh, còn H vẫn ngồi trên xe, khi K đi vệ sinh xong quay lại chỗ H2 và anh H6 đang đứng mua mận, khoảng 10 phút sau K *“Nói tắt cả lên xe quay đầu về chỗ cũ”* mọi người lên xe ngồi ở vị trí cũ, xe quay đầu đi được khoảng 100 mét thì H nói với anh H6 *“Dừng xe lại anh ơi”* anh H6 đánh xe vào lề đường bên phải là núi và đỗ xe cách máng nước khoảng 50 cm thì dừng lại, anh H6 nhìn thấy một người đàn ông mặc quần áo màu đen kiểu dân tộc đeo khẩu trang đứng cạnh máng nước cách đầu xe khoảng 04 đến 05 mét, anh H6 và K xuống xe, K đứng ở cạnh cửa xe trên bên phải còn anh H6 vòng ra phía sau xe đứng ở cạnh bánh xe sau bên phải, anh H6 nhìn thấy người đàn ông dân tộc trên tiến lại gần xe cách xe khoảng 01 mét, anh H6 đứng khoảng 05 phút thì bị cáo K mở cửa lên xe, anh H6 cũng lên trên ghế lái, khi này anh H6 thấy H và H2 đã đổi chỗ cho nhau, H nói với anh H6 *“Đi thôi anh”*, anh H6 điều khiển xe đi được khoảng 10 km thì H nói với anh H6 dừng xe lại để mua quả đào, anh H6 dừng xe, H cùng với bị cáo K xuống xe đi sang bên đường mua quả đào, lát sau anh H6 thấy H2 nghe điện thoại, nghe xong bị cáo H2 nói với anh H6 *“Anh em mình đi trước rồi gặp nhau ở ngã ba M”* rồi từ ghế sau H2 lên ghế cạnh ghế lái ngồi, xe tiếp tục đi đến ngã ba M thì gặp K và H đang đứng chờ ở bên đường, anh H6 dừng xe để K và H lên xe, lúc này H ngồi ghế sau ghế lái của anh H6, còn bị cáo H ngồi ghế sau ghế của K, khi xe đi đến đoạn đường thuộc địa phận thôn Tân Đ, xã Tân L, huyện Vũ T, tỉnh Thái Bình, thì có các anh Công an yêu cầu dừng xe để kiểm tra vì các anh nghi có liên quan đến ma túy, anh H6 đánh xe vào mép đường bên phải rồi dừng xe lại, tại đây trước sự chứng kiến của những người được mời chứng kiến Cơ quan công an tiến hành kiểm tra xe ô tô biển kiểm soát 17A-054.77 và kiểm tra người của các bị cáo H, K và H2, trên xe ô tô phát hiện tại sàn để chân sau ghế lái chỗ bị cáo H ngồi có 02 túi xách giả da, trong đó có 01 túi giả da màu nâu và 01 túi giả da màu trắng có in hình nhiều hoa văn, kiểm tra trong túi xách giả da màu trắng có in nhiều hoa văn có 02 túi ni lông in nhiều hoa văn mỗi túi đều có đặc điểm bên trong có một túi nilon trong suốt chứa chất

dạng tinh thể trong suốt, 01 túi ni lông màu đen bên trong có hai bánh hình hộp chữ nhật, mỗi bánh đều có đặc điểm bên ngoài là lớp nilon trong suốt, tiếp theo là lớp nilon màu xanh, đến lớp giấy màu vàng, đến lớp ni lông trong suốt, đến lớp ni lông màu vàng, tiếp đó là nhiều lớp ni lông trong suốt trong cùng chứa chất bột màu trắng dạng cục, H khai đó là ma túy đá và Heroin của K mua về để bán, 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu đen đã cũ, 01 ảnh chúa Giê-su và số tiền 80.000.000 đồng. Thu trong túi xách giả da màu nâu 01 túi ni lông in nhiều hoa văn, bên trong có một túi ni lông trong suốt chứa chất dạng tinh thể trong suốt, H khai đó là ma túy đá của H mua về để bán, 01 ví giả da màu đen bên trong có một thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H và số tiền 30.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã cũ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng đen đã cũ. Cơ quan công an đã tiến hành niêm phong vật chứng thu được. Anh H6 chỉ được K nhờ chở K, H và H2 đi Sơn La, khi đi anh H6 không biết mục đích đi làm gì, khi về đến tỉnh Thái Bình bị Cơ quan công an kiểm tra xe mới biết trong xe có ma túy.

Lời khai của người làm chứng chị Trần Thị Diễm Q khai: Tôi (Q) và K là bạn bên ngoài xã hội, tôi (Q) và K thuê phòng 413 của khách sạn An Thái để ở và tôi (Q) có sử dụng ma túy đá cùng với K tại phòng 413, khoảng 22 giờ ngày 10-4-2020 H và H2 sang phòng 413 của tôi (Q) chơi và nói với tôi hai chị thuê phòng 410, hơn 22 giờ ngày 10-4-2020 K rủ tôi đi thuê xe ở huyện Thái T, tôi đồng ý, K điều khiển xe ô tô Innova 07 chỗ ngồi đi đến xã Đông M, thành phố T đón anh H6, sau đó cả 03 người đi xuống huyện Thái T thuê được xe ô tô Vios, thì anh H6 đi xe ô tô Vios còn anh K đi xe Innova, đi đến xã Đông M thì anh H6 đổi xe cho anh K, anh K điều khiển xe ô tô Vios chở tôi đi đến khu vực chùa B, phường Bồ X, thành phố T, thì anh K nói *“Chết rồi quên tiền ở xe kia rồi”*, sau đó anh K điện cho anh H6 và quay xe lại chỗ xe Innova lấy tiền, đến nơi K lấy trong xe Innova ra một túi, ngoài gói bằng túi ni lông màu trắng, bên trong là túi ni lông màu đen và mang lên xe ô tô Vios đưa cho tôi (Q) cầm hộ, tôi (Q) sờ bên ngoài túi thấy rất nặng, tôi (Q) có hỏi K là cái gì đây sao nặng thế, thì K bảo *“Tiền đây”*, tôi (Q) để túi tiền trên ghế ngồi rồi cùng K đi về khách sạn An T, tôi (Q) xách túi tiền đi cùng anh K, lên tầng 4 khách sạn An T khi đi qua phòng 410 tôi (Q) thấy K dùng tay gõ cửa phòng 410, sau đó tôi (Q) và K vào trong phòng 413, tôi (Q) để túi tiền trên bàn rồi đi sắp cơm, thì thấy chị H vào phòng 413, anh K cầm túi tiền tôi (Q) để ở mặt bàn rồi đưa cho H và nói với H *“Đây tiền trong túi này đủ hết rồi, tất tần tật cả của cô gom vào rồi đây, cô mang về kiểm tra lại đủ chưa”* H nhận túi tiền của K đưa cho nói *“Vâng”*.

Lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị Y khai: Khoảng từ ngày 07-4-2020 tôi (Y) và bạn là anh H7 có thuê phòng 412 của Khách sạn An T để ở và tôi (Y) thấy K và bạn gái là Q thuê phòng 413 của khách sạn An T để ở, khoảng 22 giờ ngày 10-4-2020 tôi (Y) thấy H gọi điện cho anh H7 hỏi số tài khoản để người khác chuyển tiền vào, anh H7 hỏi tôi, tôi (Y) có đọc số tài khoản ngân hàng của tôi cho anh H7.

Lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Mạnh H7 khai: Tôi (H7) và K là bạn ngoài xã hội, tôi thấy K và bạn gái là chị Q ở cùng nhau trong phòng 413 của khách sạn An T, vào đêm ngày 10-4-2020 H gọi điện cho tôi hỏi số tài khoản ngân hàng để người khác chuyển tiền cho H, tôi có đọc số tài khoản của bạn gái tôi là Y cho H.

Lời khai của người làm chứng anh Đỗ Văn T5 khai: Ngày 11-4-2020 H (là thím của tôi), gọi điện cho tôi (T5) bảo lên Sơn La chở H đi đòi nợ, 09 giờ sáng cùng ngày, tôi điều khiển xe Vios; biển kiểm soát 30G-102.57 đi đến địa phận huyện Vân H, tỉnh Sơn La thì gặp H và một người đàn ông, tôi (T5) không biết người đàn ông này, cả hai người lên xe ô tô của tôi (T5) đi khoảng 10 km theo chỉ dẫn của H thì đến nơi, nhưng không đòi được nợ, tôi (T5) lại chở H và người đàn ông đi cùng H về đến ngã ba M, thì H và người đàn ông đi cùng H xuống ngồi ở quán nước, tôi điều khiển xe ô tô về Hà Nội.

Dữ liệu thiết bị ghi hình của khách sạn An T thể hiện buổi tối ngày 10-4-2020 trên hành lang tầng 4 của khách sạn An T, bị cáo Phạm Tiến K đi trước, chị Trần Thị Diễm Q xách 01 túi ni lông đi sau, khi đi qua phòng 410 bị cáo K dùng tay gõ vào cửa phòng 410, sau đó bị cáo K và chị Q đi vào phòng 413, rồi bị cáo Nguyễn Thị H đi sang phòng 413 khi về phòng mình có xách theo 01 túi ni lông mà chị Q đã xách trước đó

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tiến K, bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Trần Thị H2 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt:

- Áp dụng: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 40 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 329, điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Tiến K hình phạt Tù hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Tiến K để đảm bảo thi hành án. Nếu bị cáo Phạm Tiến K không kháng cáo thì trong thời 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Phạm Tiến K có quyền làm đơn xin Chủ tịch nước ân giảm hình phạt tù hình cho mình.

- Áp dụng: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 40 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 329, điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H hình phạt Tù hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị H để đảm bảo thi hành án. Nếu bị cáo Nguyễn Thị H không kháng cáo thì trong thời 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Thị H có quyền làm đơn xin Chủ tịch nước ân giảm hình phạt tù hình cho mình.

- Áp dụng: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015

được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thị H2 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/4/2020.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 15/3/2021 bị cáo Phạm Tiến K có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Ngày 16/3/2021, bị cáo Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/3/2021, bị cáo Trần Thị H2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo và Tòa án cấp phúc thẩm đã đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị H2 tại Quyết định số 58/2021/HSPT-QĐ ngày 20/7/2021).

Ngày 24/3/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình có Kháng nghị số 02 đề nghị sửa bản án sơ thẩm, xem xét lại phần hình phạt bổ sung, xử lý tài sản, vật chứng và viện dẫn điều luật đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Tiến K giữ nguyên kháng cáo với nội dung kêu oan và trình bày thống nhất như trình bày tại nội dung án sơ thẩm và bị cáo cho rằng bị cáo chỉ đi theo bị cáo H đi chơi, không đi mua ma túy và không biết ma túy là của ai. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy án sơ thẩm và đề điều tra xét xử lại.

- Bị cáo Nguyễn Thị H giữ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày thống nhất với trình bày như nội dung án sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng việc đi mua ma túy bị cáo K không biết.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Phạm Tiến K và bị cáo Nguyễn Thị H; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào lời khai của bị cáo H, bị cáo H2, vật chứng thu giữ được (bắt quả tang) cùng lời khai của người làm chứng và tài liệu chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã xác định hành vi của các bị cáo Phạm Tiến K, Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo K tiếp tục không thừa nhận hành vi phạm tội của mình cũng như bị cáo H cho rằng bị cáo K không biết việc bị cáo H

mua ma túy là không có căn cứ, không phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được, cũng như lời khai tại phiên tòa phúc thẩm của các bị cáo không phù hợp với nhau và không có trong thực tế. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo K và H.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Xác định số tiền 110 triệu đồng thu của bị cáo H được xác định số tiền này bị cáo H dùng để mua ma túy. Do đó, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước cũng như cần thiết phải phạt bổ sung đối với bị cáo K và H.

Ngoài ra, đối phong bì thư chứa đựng dữ liệu điện tử cần xác định tài liệu đi kèm hồ sơ.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình; sửa án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Tiến K trình bày: Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo K không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không biết và không liên quan đến hành vi mua bán chất ma túy của bị cáo H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là chưa đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự; hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, chưa xem xét đến trình độ văn hóa, hoàn cảnh gia đình của bị cáo để tạo cơ hội cho bị cáo được sống.

- Các bị cáo Phạm Tiến K và Nguyễn Thị H đều nhất trí với trình bày của Luật sư bào chữa cho mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của các bị cáo cho đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Phạm Tiến K, Nguyễn Thị H và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt bị cáo Trần Thị H2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và người chứng kiến. Tuy nhiên, phiên tòa ngày 21/7/2021, bị cáo H2 có mặt và đến nay đã đi thi hành án cũng như những người tham gia tố tụng khác đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 đã khai nhận, sau khi bị cáo Phạm Tiến K và Nguyễn Thị H bàn bạc, thống nhất tại khách sạn An T; địa chỉ: Số 288, đường Trần Thái T, phường Tiền P, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 08-4-2020, về việc bị cáo K và bị cáo H cùng nhau góp tiền để đi lên huyện Mai C, tỉnh Sơn La để mua ma túy về bán kiếm lời và H rủ thêm bị cáo Trần Thị H2 cùng đi với H, xách đồ (ma túy) cho H rồi H hứa sau đó hứa sẽ trả công cho bị cáo H2 để trả nợ và cho thêm H2 một vài triệu để tiêu. Ngày 11-4-2020, các bị cáo Phạm Tiến K, Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 cùng đi trên xe ô tô nhãn hiệu Vios biển kiểm soát 17A-05477 và nhờ anh Phạm Công H6 là người làm nghề lái xe thuê điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vios biển kiểm soát 17A-05477, đi đến huyện Mai C, tỉnh Sơn La, khi đi đến huyện Mai C, tỉnh Sơn La các bị cáo K và H đã giao dịch mua được khối lượng (1966,5670gam + 973,9387gam = 2.940,5057gam) là chất ma túy loại Methamphetamine và 696,1546 gam là chất ma túy loại Heroin của một người nam giới mặc trang phục của người dân tộc thiểu số, mục đích mang số ma túy mua được này về tỉnh Thái Bình bán kiếm lời. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 11-4-2020 khi xe ô tô này đi đến địa phận thôn Tân Đ, xã Tân L, huyện Vũ T, tỉnh Thái Bình thì bị Cơ quan công an tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Đối với bị cáo Phạm Tiến K trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo K không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ sau đây: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 11-4-2020 (bút lục 11-18); Biên bản tạm giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 15 giờ 00 phút, ngày 11-4-2020 (bút lục từ số 25-31); Kết luận giám định số: 126/KLGD-PC09, ngày 13-4-2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình đối với vật chứng là ma túy đã thu giữ được (bút lục số 89-90); Kết luận giám định về mẫu nước tiểu của Phạm Tiến K, Nguyễn Thị H, Trần Thị H2 và Phạm Công H6 (bút lục 102); Biên bản kiểm tra và quản lý điện thoại Nokia màu đen, số sim thuê bao 0963056625 của Nguyễn Thị H (bút lục số 39); Lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, anh Phạm Công H6 (bút lục 727-781), chị Nguyễn Thị T4 (bút lục 826- 827), chị Tô Thị T3 (bút lục 845-846); Lời khai của những người làm chứng chị Trần Thị Diễm Q (bút lục 803-822), chị Nguyễn Thị Y (bút lục 790-797), anh Nguyễn Mạnh H7 (bút lục 799-802) và anh Đỗ Văn T5 (bút lục 848^a- 848^b); Lời khai những người chứng kiến, ông Trần Bá S1 và anh Hoàng Xuân T6 (bút lục số 782-789); Dữ liệu điện tử sao tại thiết bị ghi hình của Khách sạn An T, ngày 15-4-2020 (bút lục 509-517); Báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của thuê bao do Tập đoàn Công nghiệp -

Viễn thông Quân đội cung cấp phù hợp với nội dung lời khai của bị cáo Nguyễn Thị H (bút lục số 300 - 302; từ số 346 - 349); lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 (bút lục từ số 577- 635; từ số 636 - 726); Cùng nhiều tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị H thay đổi lời khai và cho rằng bị cáo K không biết bị cáo đi mua ma túy, bị cáo K đi cùng xe ô tô là đi chơi cùng bị cáo, tiền để mua ma túy là bị cáo H vay của người ở Hải Phòng. Tuy nhiên, việc thay đổi lời khai của bị cáo H đưa ra không có căn cứ chứng minh, không phù hợp với lời khai của bị cáo H2, lời khai của người làm chứng là bị cáo K để quên tiền ở xe ô tô Innova và sau khi lấy được tiền còn đưa cho bị cáo H xấp xếp lại tiền dùng để mua ma túy cũng như diễn biến của vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Tiến K, Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm. Bị cáo Phạm Tiến K là người khởi xướng và cùng bị cáo Nguyễn Thị H trực tiếp thực hiện tội phạm, vì vậy các bị cáo Phạm Tiến K và Nguyễn Thị H giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Trần Thị H2 được rủ đi xách ma túy, bị cáo H2 là người giúp sức, tạo điều kiện tinh thần để cho các bị cáo K và H thực hiện tội phạm, vì vậy bị cáo H2 giữ vai trò sau bị cáo K và H trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị H đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, vì vậy, bị cáo H phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, vì vậy các bị cáo H và H2 được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo Phạm Tiến K, Nguyễn Thị H và Trần Thị H2.

Thấy rằng, ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm khác, do diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm về ma túy, Nhà nước đã có chính sách hình sự triệt để và nghiêm khắc để đấu tranh, phòng chống các tội phạm về ma túy, qua đó làm giảm tác hại của ma túy đối với con người và cộng đồng xã hội, cũng như phòng ngừa tội phạm mà nguyên nhân chính do ma túy gây ra. Nhưng các bị cáo Phạm Tiến K, Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 đã cố ý mua bán 2.940,5057gam Methamphetamine và 696,1546 gam Heroin, tổng khối lượng của hai chất ma túy này là 3.636,6603 gam với mục đích để bán kiếm lời và căn nguyên gieo rắc cái chết trắng cho cộng đồng và xã hội. Do đó, các bị cáo Phạm Tiến K, Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 phải

chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng của các chất ma túy Methamphetamine và Heroin nêu trên. Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Tiến K, Nguyễn Thị H và Trần Thị H2 đã thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng, mua bán bất hợp pháp khối lượng ma túy rất lớn. Vì vậy, cần phải quyết định một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Tiến K có nhân thân xấu lại là người sử dụng ma túy, bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm và các bị cáo K và H có vai trò đứng thứ nhất trong vụ án, nên việc giáo dục, cải tạo các bị cáo K và H trở thành công dân có ích cho xã hội là không có tác dụng, vì vậy cần thiết phải áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 40 của Bộ luật Hình sự, để áp dụng một hình phạt cao nhất đối với các bị cáo K và H, loại bỏ vĩnh viễn các bị cáo K và H ra khỏi đời sống xã hội, qua đó mới có tác dụng giáo dục người khác về việc tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo Trần Thị H2 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và cần tiền trả nợ và tiêu sài, nên khi được bị cáo H rủ đi cùng với mục đích để xách hộ ma túy cho các bị cáo H và K cũng như làm chỗ dựa tinh thần cho các bị cáo. Thực tế bị cáo H2 chưa được trả tiền công, trong vụ án này bị cáo H2 là đồng phạm có vai trò giúp sức có mức độ, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, vì vậy chỉ cần áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, để quyết định một hình phạt tù có thời hạn, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, để cách ly bị cáo H2 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, thì mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Với nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định về hình phạt đối với các bị cáo như bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Tiến K kháng cáo kêu oan, bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trần Thị H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, sau đó bị cáo Trần Thị H2 đã rút kháng cáo và Tòa án cấp phúc thẩm đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo H2.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình kháng nghị về phần hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm:

[6.1] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Tiến K: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo K và Luật sư bào chữa cho bị cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác với phiên tòa sơ thẩm và cũng như bị cáo Nguyễn Thị H thay đổi lời khai là bị cáo H tự vay tiền của người ở Hải Phòng và tự liên hệ để đi mua ma túy, bị cáo K không biết việc bị cáo H mua ma túy. Tuy nhiên, bị cáo H thay đổi lời khai nhưng không đưa ra được căn cứ, không phù hợp với lời khai của bị cáo H2, không phù hợp với lời khai của người làm chứng và không phù hợp với vật chứng thu giữ được cũng như tài liệu, chứng cứ vật chất khác được thu thập

trong quá trình điều tra vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo K cũng như đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật và phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[6.2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và bị cáo cho rằng hành vi mua bán ma túy là tự bị cáo thực hiện. Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến trình độ văn hóa cũng như hoàn cảnh gia đình của bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được sống. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy, với vai trò, nhân thân của bị cáo cũng như việc mua bán số lượng ma túy rất lớn. Ngoài ra, bị cáo H đang bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ở vụ án khác với khung hình phạt cao nhất. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo H; phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[6.3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình:

[6.3.1] Đối với hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải phạt bổ sung đối với bị cáo K và bị cáo H nhưng ở mức vừa phải nhằm dẫn dắt và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Trần Thị H2 chỉ là người được rủ đi cùng để xách ma túy và chưa được hưởng lợi, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H2.

[6.3.2] Đối với xử lý vật chứng: Thu giữ của bị cáo K số tiền 23.600.000 đồng, của bị cáo H là 110.000.000 đồng và của bị cáo H2 1.070.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy, số tiền 110.000.000 đồng là số tiền mà bị cáo H dùng để mua ma túy, do chưa góp đủ cho bị cáo K nên bị cáo K cho nợ. Do đó, số tiền 110.000.000 đồng của bị cáo H cần phải tịch thu sung quỹ nhà nước. Ngoài ra, đối với phong bì có chữ “Dữ liệu điện tử sao tại thiết bị ghi hình của khách sạn An T ngày 15-4-2020”, xét thấy đây không phải là vật chứng, được trích xuất để là tài liệu lưu hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phạm Tiến K và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Tiến K và bị cáo Nguyễn Thị H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Tiến K, bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 40 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 329, điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Tiến K hình phạt Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Tiến K để đảm bảo thi hành án.

Trong thời 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Phạm Tiến K được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 40 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 329, điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H hình phạt tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị H để đảm bảo thi hành án.

Trong thời 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Thị H được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm Tiến K và bị cáo Nguyễn Thị H mỗi bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu được của các bị cáo được hoàn lại sau giám định gồm: 2.925,3678 gam Methamphetamine và 691,6170 gam Heroin được niêm phong trong 03 hộp bìa cát tông số: 126/KLGD-PC09 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình trên hộp ghi chữ “*M1, M2, M3 vật chứng quản lý khi kiểm tra xe ô tô nhãn hiệu Vios đeo biển kiểm soát 17A-054.77*”. Tịch thu tiêu hủy 01 cân điện tử màu đen có dòng chữ DIGITAL SCALE, 01 biển số xe máy 99B1-122.22, 01 túi xách giả da màu trắng có in hoa văn đã cũ, 01 túi xách giả da màu nâu, 01 bình xịt bằng sắt màu đen vàng trên thân bình có in chữ “*TAKEDOWN*”, 01 dao nhọn có bao gỗ và 01 nỏ để sử dụng ma túy bằng thủy tinh. Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu đen đã cũ;

Trả lại bị cáo Phạm Tiến K 01 điện thoại di động samsung vỏ màu đen đã cũ, 01 điện thoại di động nokia vỏ màu cam đã cũ, 01 ví màu đen đã cũ, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Tiến K và 23.600.000 đồng (tạm giữ số tiền này để bảo đảm thi hành án).

Tịch thu sung quỹ nhà nước 110.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị H.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nokia vỏ màu vàng đã cũ, 01 điện thoại di động nokia vỏ màu đen đã cũ, 01 điện thoại di động Iphone vỏ màu vàng đen, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H 01 ảnh chúa Giê-Su, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H, 01 túi ni lông màu đen, 01 ví da màu đen đã cũ.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị H2 01 điện thoại di động VSMART vỏ màu đen đã cũ, 01 túi xách màu đen đã cũ, 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị H2 và số tiền 1.070.000 đồng (nhưng tạm giữ số tiền để bảo đảm thi hành án).

Trả lại cho anh Phạm Công H6 01 điện thoại di động Iphone vỏ màu bạc.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Bình đã trả lại cho chị Tô Thị T3 01 xe ô tô nhãn hiệu Innova màu bạc, biển kiểm soát 30A-116.33 và trả lại chị Nguyễn Thị T4 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển kiểm soát 17A-054.77.

Đối với phong bì có chữ “Dữ liệu điện tử sao tại thiết bị ghi hình của khách sạn An T ngày 15-4-2020”, xét thấy đây không phải là vật chứng, được trích xuất để làm tài liệu lưu hồ sơ vụ án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Tiến K, Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình (03 bản);
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- TTG thuộc Công an tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu PHCTP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng